

Nơi nhận: CỤC THỐNG KÊ TP.HCM
PHÒNG CÔNG NGHIỆP
29 Hàn Thuyên - Quận 1
ĐT: 38223394, 38293634, 38299852
Fax: 38221282. CBQL: _____
Thời hạn nộp: _____

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG II – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

QUANG 72

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía đường II – Công ty TNHH một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300673461 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận như sau:

Đăng ký thay đổi	Ngày	Nội dung thay đổi
Lần thứ nhất	22 tháng 4 năm 2011	Thông tin về chủ sở hữu
Lần thứ hai	18 tháng 6 năm 2013	Bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ
Lần thứ ba	06 tháng 6 năm 2014	Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 54 – 56 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 3940 0653
- Fax : (08) 3826 0535

Tổng Công ty có các chi nhánh như sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
01	Chi nhánh Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần – Nhà máy cồn Xuân Lộc	Ấp 3, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
02	Chi nhánh Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần – Trung tâm Tư vấn đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Mía đường	54 – 56 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ban điều hành

Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Đông	Chủ tịch	30/05/2013	-
Ông Tống Thông	Phó chủ tịch	30/05/2013	-
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Thành viên/ Tổng Giám đốc	30/05/2013	-
Ông Nguyễn Xuân Thu	Thành viên	30/05/2013	27/06/2016
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên	30/05/2014	27/06/2016
Ông Nguyễn Xuân Tiên	Thành viên	27/06/2016	-
Bà Đặng Thị Tuyết Nhung	Thành viên	27/06/2016	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Hà	Trưởng ban	30/05/2013	-
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	30/05/2013	-
Bà Trần Thị Mùi	Thành viên	30/05/2014	27/06/2016
Ông Hoàng Xuân Biên	Thành viên	27/06/2016	-

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Tổng Giám đốc	24/06/2013
Ông Nguyễn Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc	26/06/2013
Ông Tống Thông	Phó Tổng Giám đốc	10/08/2015
Bà Đặng Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng	26/06/2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Đông (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2013).

Ông Lê Văn Đông đã ủy quyền cho bà Bùi Thị Thanh Trà ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 8 năm 2013.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Chi nhánh Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần – Trung tâm Tư vấn đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Mía đường đã chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 45283/17 ngày 19 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đến ngày lập báo cáo này, các thủ tục giải thể chi nhánh này đã hoàn tất.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

8. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BUI THỊ THANH TRÀ

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số: 266B/2017/BCKT-HCM.00695

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Thông tin so sánh năm 2015 là số liệu căn cứ theo Báo cáo kiểm toán số 237C/2016/BCKT-HCM.00695 ngày 15 tháng 02 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam phát hành, được điều chỉnh và trình bày lại theo Biên bản kiểm tra thuế số 513, 514/CT-KTT 3 ngày 23/12/2016, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 6425, 642/QĐ-CT-XP ngày 27/12/2016 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.



BÙI NGUYỄN VĂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017

NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2014-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		443.696.268.850	446.623.871.808
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	182.261.558.262	193.322.830.154
Tiền	111		861.558.262	932.830.154
Các khoản tương đương tiền	112		181.400.000.000	192.390.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.000.000.000	13.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	12.000.000.000	13.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.094.663.458	217.937.685.712
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	91.374.776.596	114.254.468.137
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	99.827.446.325	62.057.695.249
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5.1	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	9.892.440.537	11.625.522.326
Hàng tồn kho	140	5.7	17.712.025.672	20.778.810.390
Hàng tồn kho	141		17.712.025.672	21.569.446.777
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(790.636.387)
Tài sản ngắn hạn khác	150		628.021.458	1.584.545.552
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.11	628.021.458	1.584.545.552
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		324.909.422.200	308.419.252.253
Các khoản phải thu dài hạn	210		13.131.532.000	4.252.290.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5.2	11.129.532.000	2.250.290.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	2.002.000.000	2.002.000.000
Tài sản cố định	220		53.212.938.569	57.189.339.891
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	53.212.938.569	57.189.339.891
Nguyên giá	222		112.359.671.412	111.880.194.772
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.146.732.843)	(54.690.854.881)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.891.633.855	1.205.015.989
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.891.633.855	1.205.015.989
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	256.277.317.776	245.508.606.373
Đầu tư vào công ty con	251		150.731.359.756	150.731.359.756
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		105.957.219.227	112.795.460.610
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.592.500.000	34.592.500.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.003.761.207)	(52.610.713.993)
Tài sản dài hạn khác	260		396.000.000	264.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261		396.000.000	264.000.000
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		768.605.691.050	755.043.124.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		41.374.263.136	42.023.297.874
Nợ ngắn hạn	310		41.374.263.136	42.023.297.874
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	22.256.811.938	22.566.044.556
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.525.836.176	559.938.192
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	7.300.592.214	4.237.501.576
Phải trả người lao động	314		5.252.008.206	7.729.765.475
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	442.428.272	4.265.122.956
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.13	3.596.586.330	2.664.925.119
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		727.231.427.914	713.019.826.187
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	727.231.427.914	713.019.826.187
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		685.000.000.000	685.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		685.000.000.000	685.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.163.293.003	1.922.977.725
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.068.134.911	26.096.848.462
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.113.033.730	422.949.177
LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.955.101.181	25.673.899.285
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		768.605.691.050	755.043.124.061

NGUYỄN THỊ THUẬN YẾN
Người lập biểu

ĐẶNG THỊ TUYẾT NHUNG
Kế toán trưởng



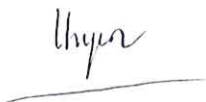
BUI THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	415.757.093.752	479.161.263.712
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.568.224	-
Doanh thu thuần	10		415.698.525.528	479.161.263.712
Giá vốn hàng bán	11	6.2	406.239.271.566	474.526.688.333
Lợi nhuận gộp	20		9.459.253.962	4.634.575.379
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	27.224.365.114	96.031.706.033
Chi phí tài chính	22	6.4	(15.594.183.864)	54.828.592.871
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.307.484	-
Chi phí bán hàng	24	6.5	2.304.613.568	1.775.136.701
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	18.095.903.866	21.376.670.561
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		31.877.285.506	22.685.881.279
Thu nhập khác	31		5.738.061.049	9.050.721.534
Chi phí khác	32		945.845.847	-
Lợi nhuận khác	40		4.792.215.202	9.050.721.534
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.669.500.708	31.736.602.813
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	6.776.268.124	6.062.703.528
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.893.232.584	25.673.899.285



NGUYỄN THỊ THUẬN YẾN
Người lập biểu



ĐẶNG THỊ TUYẾT NHUNG
Kế toán trưởng



BUI THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	36.669.500.708	31.736.602.813
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.541.093.838	4.613.235.780
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	(18.397.589.173)	51.601.293.439
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(900.045)	(3.608.585)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.589.602.859)	(96.031.706.033)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.222.502.469	(8.084.182.586)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(12.174.269.231)	46.572.145.062
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.857.421.105	(3.190.874.674)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(3.840.341.924)	(16.179.779.932)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(132.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.198.243.349)	(4.442.972.818)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.627.032.867)	(933.397.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.891.963.797)	13.740.937.627
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.286.617.866)	(1.753.937.814)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	45.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.879.242.000)	(15.250.290.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	15.000.000.000	15.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.118.150.000)	(72.625.573.300)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.031.000.000	306.743.107.700
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.737.801.726	96.031.706.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.529.791.860	328.145.012.619
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(213.674.792.386)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.700.000.000)	(15.755.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.700.000.000)	(229.429.792.386)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(11.062.171.937)	112.456.157.860
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	193.322.830.154	80.863.063.709
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	900.045	3.608.585
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	182.261.558.262	193.322.830.154

NGUYỄN THỊ THUẬN YẾN
Người lập biểu

ĐẶNG THỊ TUYẾT NHUNG
Kế toán trưởng

BÙI THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300673461 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm 2016 công nghiệp chế biến các sản phẩm cồn, CO₂; kinh doanh thương nghiệp bán buôn các sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm, nông nghiệp, dịch vụ tư vấn kỹ thuật mía đường.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tổng Công ty**Các công ty con**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty cổ phần Mía đường La Ngà	Km 35 QL 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất đường, chế biến nông lâm sản, sản xuất phân bón vi sinh tổng hợp, trồng cây mía, sản xuất điện	86,48	86,48
Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Bình Dương (tên cũ là Công ty cổ phần Đường Bình Dương)	1472 Lê Hồng Phong, Khu 5, Phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh đường, mật; dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho hàng, bến bãi; trồng cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày; chăn nuôi bò sữa.	50,11	50,11

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	Ấp 4, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất các loại men thực phẩm và chất phụ gia làm bánh mì và các loại bánh khác	34,00	34,00
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Thôn Lương Phước, Xã Hòa Phú, Huyện Tây Hòa, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất kinh doanh công nghiệp chế biến đường, mật và các sản phẩm sau đường	21,49	21,49
Công ty cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	Thị trấn Hiệp Hòa, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất kinh doanh đường, các sản phẩm sau đường: cồn, rượu và các chế phẩm từ đường mía	21,76	21,76

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần – Nhà máy cồn Xuân Lộc	Ấp 3, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 109 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 115 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ). Tỷ giá tại ngày 31/12/2016: 22.720 VND/USD.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu và thành phẩm, thực tế đích danh đối với hàng hóa và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm/ Quốc tịch	Quan hệ
Công ty cổ phần Mía đường La Ngà	Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Bình Dương	Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	Việt Nam	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Việt Nam	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	Việt Nam	Công ty liên doanh, liên kết
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng	Việt Nam	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt – VND	108.790.289	36.164.282
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	676.952.241	821.504.170
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	75.815.732	75.161.702
Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	181.400.000.000	192.390.000.000
	182.261.558.262	193.322.830.154

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 3.336,96 USD tương đương 75.815.732 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng				
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4.000.000.000	4.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	12.000.000.000	12.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty cổ phần Mía đường La Ngà	130.430.080.201	-	(*)	130.430.080.201	-	(*)
Công ty cổ phần Đường Bình Dương	20.301.279.555	-	(*)	20.301.279.555	-	(*)
	150.731.359.756	-		150.731.359.756	-	
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh						
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	66.233.442.230	(22.507.577.254)	(*)	66.233.442.230	(26.158.138.657)	(*)
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	27.227.593.044	-	(*)	20.109.443.044	-	(*)
Công ty cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	12.496.183.953	(12.496.183.953)	(*)	26.452.575.336	(26.452.575.336)	(*)
	105.957.219.227	(35.003.761.207)		112.795.460.610	(52.610.713.993)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Tổng Công ty Mía đường I – Công ty cổ phần	34.592.500.000	-	(*)	34.592.500.000	-	(*)
	34.592.500.000	-		34.592.500.000	-	
	291.281.078.983	(35.003.761.207)		298.119.320.366	(52.610.713.993)	

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Mía đường La Ngà	1.386.839.523	2.444.444.434
Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Bình Dương	14.480.500.000	-
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	-	220.500.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	19.131.271.001	58.738.863.501
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	38.000.000.000	41.883.639.840
Công ty cổ phần rượu bia nước giải khát Aroma	17.946.584.531	7.898.124.255
Các khách hàng khác	429.581.541	3.068.896.107
	91.374.776.596	114.254.468.137

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Mía đường La Ngà	78.846.700.000	-
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	-	50.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tây Hòa	16.762.547.125	11.586.868.338
Các nhà cung cấp khác	4.218.199.200	470.826.911
	99.827.446.325	62.057.695.249

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn**5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
	30.000.000.000	30.000.000.000

Khoản cho Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn và phụ lục đính kèm, thời hạn vay đến 31 tháng 12 năm 2017, lãi suất vay là 8%/năm.

Chi tiết các khoản cho Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Hợp đồng hỗ trợ vốn Số	Ngày	Số tiền VND	Mục đích
70/MĐII/HĐHTV	31/03/2010	10.000.000.000	Đầu tư hệ thống xử lý nước thải
36C/MĐII/HĐHTV	26/01/2011	10.000.000.000	Mua nguyên liệu phục vụ sản xuất
20/MĐII/HĐHTV	14/01/2014	10.000.000.000	Mua nguyên liệu phục vụ sản xuất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Bình Dương	11.129.532.000	2.250.290.000
	11.129.532.000	2.250.290.000

Khoản cho Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Bình Dương vay theo Hợp đồng hỗ trợ vốn dài hạn số 315/2015/MDII/HĐ ngày 07 tháng 9 năm 2015.

Thời hạn vay: 96 tháng.

Lãi suất vay: Theo Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Bình Dương cho vay dự án bỏ sữa theo từng thời điểm.

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Cổ tức – Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	6.590.000.000	-	6.590.000.000	-
Lãi hỗ trợ vốn – Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	-	-	232.500.000	-
Lãi chậm trả – Công ty cổ phần Mía đường La Ngà	1.060.581.664	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu khác – Nhà máy cồn	249.183.039	-	2.156.855.059	-
Tạm ứng cho nhân viên	734.518.000	-	1.888.231.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.258.157.834	-	757.936.267	-
	9.892.440.537	-	11.625.522.326	-

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đặt cọc thực hiện nhà máy Phú Yên	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Đặt cọc dài hạn khác	2.000.000	-	2.000.000	-
	2.002.000.000	-	2.002.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	549.253.043	-	235.915.568	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ngắn hạn	102.000.000	-	468.209.189	-
Thành phẩm	15.527.040.749	-	6.406.335.392	(790.636.387)
Hàng hóa	1.533.731.880	-	14.458.986.628	-
	17.712.025.672	-	21.569.446.777	(790.636.387)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	790.636.387	1.800.056.941
Trích lập dự phòng bổ sung	-	924.935.027
Hoàn nhập dự phòng	(790.636.387)	(1.934.355.581)
Số dư cuối năm	-	790.636.387

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	40.191.257.004	64.078.837.212	7.610.100.556	111.880.194.772
Tăng trong năm	-	600.000.000	-	600.000.000
Thanh lý	-	-	(120.523.360)	(120.523.360)
Tại ngày 31/12/2016	40.191.257.004	64.678.837.212	7.489.577.196	112.359.671.412
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	15.499.147.991	34.059.276.589	5.132.430.301	54.690.854.881
Khấu hao trong năm	1.577.114.811	2.246.579.804	717.399.223	4.541.093.838
Thanh lý	-	-	(85.215.876)	(85.215.876)
Tại ngày 31/12/2016	17.076.262.802	36.305.856.393	5.764.613.648	59.146.732.843
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	24.692.109.013	30.019.560.623	2.477.670.255	57.189.339.891
Tại ngày 31/12/2016	23.114.994.202	28.372.980.819	1.724.963.548	53.212.938.569

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2016	97.500.000	141.506.120	556.223.000	795.229.120
Tại ngày 31/12/2016	97.500.000	224.663.120	2.076.223.000	2.398.386.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Phí tư vấn khảo sát dự án Phú Yên	1.205.015.989	686.617.866	-	1.891.633.855
	1.205.015.989	686.617.866	-	1.891.633.855

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty cổ phần Mía đường Bến Tre	14.453.213.650	-
Công ty cổ phần Mía đường Sóc Trăng	5.090.000.000	-
Công ty cổ phần Mía đường Đắk Lắk - chi nhánh Đắk Nông	-	19.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.713.598.288	3.566.044.556
	22.256.811.938	22.566.044.556

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	1.584.545.552	453.454.452	3.293.302.477	(2.446.819.523)	628.021.458	343.413.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.512.703.528	6.776.268.124	(4.198.243.349)	-	6.090.728.303
Thuế thu nhập cá nhân	-	47.476.154	687.305.417	(701.142.439)	-	33.639.132
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	223.867.442	603.269.795	(603.269.795)	-	223.867.442
Các loại thuế khác	-	-	619.470.296	(10.526.271)	-	608.944.025
Cộng	1.584.545.552	4.237.501.576	11.979.616.109	(7.960.001.377)	628.021.458	7.300.592.214

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng hàng tiêu thụ trong nước là 5% – 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí thuế TNDN trong năm được dự tính như sau:

	2016 VND	2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.669.500.708	31.736.602.813
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chi phí không được khấu trừ	1.127.612.872	588.658.245
Cổ tức nhận được	(4.011.001.722)	(4.783.939.396)
Tổng thu nhập chịu thuế	33.786.111.858	27.541.321.662
Thuế suất thuế TNDN	20%	20 – 22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.776.268.124	6.062.703.528

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lãi phải trả của hợp đồng mua bán chứng khoán – Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc No Va Cần Âu	-	3.787.411.112
Phải trả ngắn hạn khác	442.428.272	477.711.844
	442.428.272	4.265.122.956

5.13 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Chỉ tiêu	01/01/2016 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Tăng khác VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng	1.672.187.979	1.568.220.695	-	(977.049.167)	2.263.359.507
Quỹ phúc lợi	589.750.240	672.094.583	-	(193.270.000)	1.068.574.823
Quỹ khen thưởng của người đại diện vốn Tổng Công ty	402.986.900	-	318.378.800	(456.713.700)	264.652.000
	2.664.925.119	2.240.315.278	318.378.800	(1.627.032.867)	3.596.586.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.14 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm (01/01/2015)	685.000.000.000	534.598.595	19.946.406.807	705.481.005.402
Trích lập quỹ	-	1.388.379.130	(1.388.379.130)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.380.078.500)	(2.380.078.500)
Lợi nhuận trong năm	-	-	25.673.899.285	25.673.899.285
Chia cổ tức	-	-	(15.755.000.000)	(15.755.000.000)
Số dư cuối năm (31/12/2015)	685.000.000.000	1.922.977.725	26.096.848.462	713.019.826.187
Số dư đầu năm (01/01/2016)	685.000.000.000	1.922.977.725	26.096.848.462	713.019.826.187
Trích lập quỹ	-	2.240.315.278	(2.240.315.278)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.240.315.278)	(2.240.315.278)
Lợi nhuận trong năm	-	-	(13.700.000.000)	(13.700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	29.893.232.584	29.893.232.584
Điều chỉnh khác	-	-	258.684.421	258.684.421
Số dư cuối năm (31/12/2016)	685.000.000.000	4.163.293.003	38.068.134.911	727.231.427.914

5.14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0300673461 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp:

Vốn điều lệ:	685.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	68.500.000	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Trong đó:

Cổ đông	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND	Tỷ lệ (%)
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	636.907.000.000	92,98	636.907.000.000	92,98
Tổng Công ty Mía đường I – Công ty cổ phần	34.250.000.000	5,00	34.250.000.000	5,00
Công ty TNHH Kim Hà Việt	3.425.000.000	0,50	3.425.000.000	0,50
94 cổ đông cá nhân	10.418.000.000	1,52	10.418.000.000	1,52
	685.000.000.000	100,00	685.000.000.000	100,00

5.14.3 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.500.000	68.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	68.500.000	68.500.000
• Cổ phiếu thường	68.500.000	68.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.500.000	68.500.000
• Cổ phiếu thường	68.500.000	68.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.14.4 Phân phối lợi nhuận

Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 94/NQ-MĐII-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2016, chi tiết như sau:

	VND
• Cổ tức cho các cổ đông	13.700.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	2.240.315.278
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.240.315.278
	18.180.630.556

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**5.15.1 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	3.336,96	3.347,96

5.15.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	30.746.271.156	30.746.271.156

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm	31.802.258.410	41.588.309.236
Doanh thu bán hàng hóa	383.323.670.410	436.938.841.339
Doanh thu cung cấp dịch vụ	631.164.932	634.113.137
	415.757.093.752	479.161.263.712
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(58.568.224)	-
	(58.568.224)	-
Doanh thu thuần	415.698.525.528	479.161.263.712

6.2 Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	29.826.974.442	41.396.036.832
Giá vốn hàng hóa đã bán	376.039.991.283	432.869.370.090
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	372.305.841	261.281.411
	406.239.271.566	474.526.688.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.352.896.025	8.130.627.893
Lãi chậm thanh toán	6.120.823.003	9.133.540.082
Lãi bán chứng khoán	-	68.234.312.300
Lãi ứng trước tiền hàng	1.597.340.340	3.008.177.777
Lãi hỗ trợ vốn	3.141.403.979	2.737.500.000
Cổ tức nhận được	4.011.001.722	4.783.939.396
Lãi chênh lệch tỷ giá	900.045	3.608.585
	27.224.365.114	96.031.706.033

6.4 Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi chậm trả tiền hàng	62.852.539	82.115.805
Phí giao dịch chứng khoán	24.525.000	431.713.073
Phí tư vấn, thẩm định	-	1.704.050.000
Lỗ chuyển nhượng đầu tư tài chính	1.925.391.383	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(17.606.952.786)	52.610.713.993
	(15.594.183.864)	54.828.592.871

6.5 Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí vận chuyển	1.145.569.610	1.676.930.738
Chi phí khác	1.159.043.958	98.205.963
	2.304.613.568	1.775.136.701

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	11.732.763.271	13.718.233.856
Chi phí khác	6.363.140.595	7.658.436.705
	18.095.903.866	21.376.670.561

6.7 Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Thanh lý tài sản cố định	9.692.516	-
Lãi vay được ngân hàng miễn giảm của Công ty cổ phần Đường Khánh Hội	-	8.980.263.209
Lãi hợp đồng mua bán chứng khoán – Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc No Va Cần Âu	3.787.411.112	-
Tiền cọc mua cổ phần	1.898.955.000	-
Thu nhập khác	42.002.421	70.458.325
	5.738.061.049	9.050.721.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.8 Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Truy thu, phạt thuế	659.067.058	-
Chi phí khác	286.778.789	-
	945.845.847	-

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.027.267.062	22.749.685.271
Chi phí nhân công	15.683.951.271	16.896.106.700
Chi phí khấu hao tài sản	4.541.093.838	4.613.235.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.843.833.809	3.518.673.307
Chi phí khác	8.687.712.191	9.478.137.681
	58.783.858.171	57.255.838.739

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

	2016 VND	2015 VND
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	456.360.000	426.360.000
Lương và thưởng cho Ban Giám đốc	2.827.761.579	2.877.392.322
	3.284.121.579	3.303.752.322

Tổng Công ty không phát sinh số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty bao gồm: các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2016 VND	2015 VND
Công ty cổ phần Mía đường La Ngà	Bán hàng	13.229.999.375	11.222.959.842
	Cung cấp dịch vụ	-	260.181.818
	Mua hàng	166.950.564.574	122.771.555.141
	Lãi ứng trước tiền hàng	1.129.178.122	99.333.334
	Góp vốn	-	72.029.600.000
Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Bình Dương	Cho vay	8.879.242.000	2.250.290.000
	Bán hàng	15.933.809.525	-
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	Lãi hỗ trợ vốn	-	232.500.000
	Bán hàng	442.857.120	210.000.000
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Mua hàng	64.741.270.932	67.554.300.693
	Lãi ứng trước tiền hàng	643.905.554	2.908.844.443
	Góp vốn	7.118.150.000	-
Công ty cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	Mua hàng	-	39.111.159.997
	Bán hàng	-	292.500.000
	Mua xe ô tô	-	906.194.552

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty cổ phần Mía đường La Ngà	Bán hàng	1.386.839.523	2.444.444.434
	Ứng trước tiền hàng	78.846.700.000	-
	Lãi ứng trước tiền hàng	1.060.581.664	-
Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Bình Dương	Cho vay	11.129.532.000	2.250.290.000
	Bán hàng	14.480.500.000	-
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	Bán hàng	-	220.500.000
	Cổ tức phải thu	6.590.000.000	6.590.000.000
	Lãi hỗ trợ vốn	-	232.500.000
	Cho vay	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Ứng trước tiền hàng	-	50.000.000.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh năm 2015 của Tổng Công ty căn cứ theo Báo cáo kiểm toán số 237C/2016/BCKT-HCM.00695 ngày 15 tháng 02 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam phát hành được điều chỉnh và trình bày lại theo Biên bản kiểm tra thuế số 513, 514/CT-KTT 3 ngày 23/12/2016, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 6425, 642/QĐ-CT-XP ngày 27/12/2016 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán

	Thuyết minh	Số dư 01/01/2016 sau điều chỉnh VND	Số dư 31/12/2015 trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.11	4.237.501.576	2.261.843.670	1.975.657.906	(ii)
Phải trả ngắn hạn khác	5.12	4.265.122.956	13.245.386.165	(8.980.263.209)	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.14	26.096.848.462	19.092.243.159	7.004.605.303	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Thuyết minh	Năm 2015 sau khi điều chỉnh VND	Năm 2015 trước khi điều chỉnh VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Thu nhập khác	6.7	9.050.721.534	70.458.325	8.980.263.209	(i)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.736.602.813	22.756.339.604	8.980.263.209	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.11	6.062.703.528	4.087.045.622	1.975.657.906	(ii)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế		31.736.602.813	22.756.339.604	8.980.263.209	
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả		(16.179.779.932)	(7.199.516.723)	(8.980.263.209)	

- (i) Chuyển lãi vay được ngân hàng miễn giảm của Công ty cổ phần Đường Khánh Hội vào thu nhập khác.
- (ii) Tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành do điều chỉnh khoản thu nhập trên.

7.3 Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Chi nhánh Tổng Công ty Mía đường II – Công ty cổ phần – Trung tâm Tư vấn đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Mía đường đã chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 45283/17 ngày 19 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đến ngày lập báo cáo này, các thủ tục giải thể chi nhánh này đã hoàn tất.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

NGUYỄN THỊ THUẬN YẾN
Người lập biểu

ĐANG THỊ TUYẾT NHUNG
Kế toán trưởng

BUI THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc

Số chứng thực...
Ngày... tháng... năm...

CHỦ TỊCH UBND P.12 - Q.4

Nguyễn Văn Tân